

UBND QUẬN NGÔ QUYỀN
TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2024 - 2025

TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp (%)			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I.1	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	1302	273	409	325	295
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1273	100	94.87	99.08	98.31
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	27		4.65	0.92	1.69
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2		0.49		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
I.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	1302	273	409	325	295
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	598	43.22	46.21	37.85	56.95
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	503	42.12	36.67	40	36.61
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	196	14.65	15.89	22.15	6.44
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	5		1.22		
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1297	100	98.78	100	100
	Áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021					
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	169	9.16	14.18	8.92	19.32
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	429	34.07	32.03	28.92	37.63
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	11	3	4	4	0
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	19	4	7	6	2
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong	1			1	

	năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	55				
1	Cấp quận	52				
2	Cấp thành phố	03				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét tốt nghiệp	295				295
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	295				295
1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)	168				168
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	108				108
3	Trung bình(Tỷ lệ so với tổng số)	19				19
VII	Số học sinh thi đỗ lớp 10 - THPT	196				196
1	Trường công lập (tỷ lệ so với tổng số)	154				154
2	Trường ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	42				42
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	695/607	143/130	216/193	175/150	161/134
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	8	2	1	0	5

Lạch Tray, ngày 30 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Hoa Huệ